

Số/No *A248*/2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2020  
Hanoi, 15 December 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH  
HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT  
AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF SSIAM VN30
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol*: FUSSV30
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: **14/12/2020**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF  
*Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates*

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component*:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
<i>Order I</i>	<i>Securities symbol</i> Chứng khoán/Stock	<i>Volume</i>	<i>Weight</i>
1	BID	250	0.9%
2	CTG	1,160	3.2%
3	EIB	1,640	2.3%
4	FPT	980	4.5%
5	GAS	150	1.0%
6	HDB	1,750	3.1%
7	HPG	2,860	8.9%
8	KDH	560	1.3%
9	MBB	2,610	4.5%
10	MSN	640	4.4%
11	MWG	460	4.2%
12	NVL	530	2.7%
13	PLX	200	0.9%
14	PNJ	280	1.7%
15	POW	730	0.7%
16	REE	210	0.8%
17	ROS	890	0.2%
18	SAB	110	1.8%



*2020*

19	SBT	370	0.6%
20	SSI	560	1.1%
21	STB	2,690	3.4%
22	TCB	3,830	7.9%
23	TCH	300	0.5%
24	VCB	640	5.0%
25	VHM	660	4.5%
26	VIC	950	8.2%
27	VJC	410	4.0%
28	VNM	1,020	9.2%
29	VPB	2,680	6.1%
30	VRE	730	1.7%
<b>II</b>	<b>Tiền/Cash (VND)</b>	<b>9,979,296</b>	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Basket in value</i>	1,234,050,800 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Value of an ETF Creation Unit</i>	1,244,030,096 VND
+ Giá trị chênh lệch/ <i>Cash Component</i>	9,979,296 VND
+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / <i>Options to Investors:</i>	

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer Cash Component*

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/

*In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:*

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	SSI	23,550	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
2	BID	45,800	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
3	EIB	17,100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
4	MBB	21,500	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

5	FPT	57,000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	114,300	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	77,400	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	47,500	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	25,650	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
10	VPB	28,300	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 14/12/2020	Kỳ trước/Last Period 11/12/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>	0	0	0
Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Issued shares</i>	4,900,000	4,900,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ <i>Closing price</i>	12,680	12,520	160
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net Asset Value at Valuation Date</i>			
<i>của quỹ ETF/ of the Fund</i>	60,957,474,749	60,100,709,429	856,765,320
<i>của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit</i>	1,244,030,096	1,226,545,090	17,485,006
<i>của 1 CCQ/ per Share</i>	12,440.30	12,265.45	174.85
Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,024.28	1,008.65	15.63

Đại diện tổ chức  
Organization representative



*Tô Thùy Linh*  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC